

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ  
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM  
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023

Số: 340 /QLQ-PTKD

V/v: Thông báo sửa đổi Bản cáo bạch Quỹ PVBF

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BẢN CÁO BẠCH QUỸ**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty CP Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital) báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM (PVBF)** theo thông tin chi tiết như sau:

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải	
<b>Phần I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH NÀY</b>	1. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)  Người đại diện:	1. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)  Người đại diện:	Thay đổi thông tin về Người phụ trách kế toán của Công ty quản lý quỹ PVCB Capital và; Cập nhật thông tin	
	Ông Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)	Ông Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)
	Ông Trần Quang Vinh	Giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)	Ông Trần Quang Vinh	Giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)
	Ông Nguyễn Thời Đại	Kê toán trưởng Công ty CP Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)	Bà Đỗ Thị Kim Cúc	Phó Phòng Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, Công ty CP Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	Giấy phép số: 23/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.	Giấy phép số: 23/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/12/2007 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung.	Giấy phép thành lập và Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty quản lý quỹ PVCB Capital
	<p><b>2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)</b></p> <p>Người đại diện: Bà Ngô Thị Thu Cúc</p> <p>Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Thành</p> <p>Theo Giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV ngày 27/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.</p>	<p><b>2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)</b></p> <p>Người đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Cường</p> <p>Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Thành</p> <p>Theo Giấy ủy quyền số 883/QĐ-BIDV Ngày 26/10/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.</p>	Thay đổi thông tin người đại diện của Ngân hàng giám sát và lưu ký

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p><b>Phần IV.</b> <b>Thông tin chung về Công ty quản lý quỹ</b></p>	<p><b>1. Các thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ</b>  Tên công ty: Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam  Tên tiếng Anh: PVcomBank Fund Management JSC.  Tên viết tắt: PVCB Capital  Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.</p>	<p><b>1. Các thông tin chung về Công Ty Quản Lý Quỹ</b>  Tên công ty: Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam  Tên tiếng Anh: PVcomBank Fund Management JSC.  Tên viết tắt: PVCB Capital  Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung.</p>	<p>Thay đổi thông tin về Giấy phép thành lập của Công ty quản lý quỹ</p>
	<p>PVCB Capital cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ; quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán đa dạng cho các Nhà Đầu Tư cá nhân và tổ chức. Tổng tài sản quản lý của PVCB Capital hiện lên đến 10.000 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, PVCB Capital đã quản lý một quỹ thành viên là Quỹ Thành viên Tập trung Cổ phần hóa (VEFF). Quỹ này hiện đang trong quá trình thanh lý và phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư.</p>	<p>PVCB Capital cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ; quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán đa dạng cho các Nhà Đầu Tư cá nhân và tổ chức. Tổng tài sản quản lý của PVCB Capital hiện lên đến hơn 5.000 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, PVCB Capital đã và đang quản lý tổng cộng 03 Quỹ Thành viên, trong đó: Quỹ Đầu tư tăng trưởng xanh PV-Asong (PAGGF) mục tiêu tập trung đầu tư chủ yếu vào lĩnh vực liên quan tới các dự án Năng lượng tái tạo, v.v..; và 02 Quỹ Thành viên khác đã hoàn tất giải thể bao gồm Quỹ Thành viên Tập trung Cổ phần hóa (VEFF) và Quỹ Đầu tư Giá trị Nemo-PVcom (NPMF) và 02 quỹ đại chúng là Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom (PVBF) và Quỹ Đầu tư Cân bằng PVcom (PBIF).</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p><b>2. Tình hình hoạt động của PVCB Capital</b></p> <p>Công ty PVCB Capital hiện đã cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho quỹ thành viên “Quỹ Thành viên Tập trung Cổ phần hóa (VEFF)” và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư hiện tại là hơn 10.000 tỷ đồng cho một số khách hàng là các định chế tài chính và khách hàng cá nhân trong và ngoài nước. Kết quả đầu tư của các danh mục trong những năm qua về cơ bản đều ổn định, đạt mức kỳ vọng của khách hàng.</p>	<p><b>2. Tình hình hoạt động của PVCB Capital</b></p> <p>Công ty PVCB Capital hiện đã và đang cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho các quỹ thành viên như: Quỹ Đầu tư tăng trưởng xanh PV-Asong (PAGGF), Quỹ Thành viên Tập trung Cổ phần hóa (VEFF), Quỹ Đầu tư Giá trị Nemo-PVcom (NPMF); 02 quỹ đại chúng là Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom (PVBF) và Quỹ Đầu tư Cân bằng PVcom (PBIF) và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư hiện tại là hơn 5.000 tỷ đồng.</p>	<p>Cập nhật thông tin tình hình hoạt động của PVCB Capital</p>
<p><b>Phần VII. Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ</b></p>	<p><b>Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép hoạt động: 121/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/01/2016</li> <li>- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chi nhánh Sài Gòn _ Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam). Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.</li> </ul> </li> <li>- Điện thoại: (84-28) 39102222</li> <li>- Website: <a href="https://www.masvn.com">https://www.masvn.com</a></li> </ul>	<p><b>Hủy</b></p>	<p>Hủy thông tin đăng ký Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)</p>
<p><b>Khoản 1.6, Điều 1, phần IX: Các thông</b></p>	<p><b>Bà Nguyễn Thanh Hiếu - Chuyên gia cao cấp Ban Đầu tư</b></p>	<p><b>Bà Đinh Thị Kim Phượng – Trưởng Ban Đầu tư</b></p> <p>Bà Phượng có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích, đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư</p>	<p>Thay đổi thông tin về</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải												
<b>tin về quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom</b>	<p>Bà Hiếu đã có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các sản phẩm tài chính trên thị trường và quan hệ nhà đầu tư, tư vấn tài chính và ngân hàng đầu tư tại các Tổ chức tài chính uy tín. Trước khi gia nhập PVCB Capital, bà Hiếu đã trải qua nhiều vị trí công tác như Giám đốc đầu tư phụ trách đầu tư và quản lý danh mục của Công ty Quản lý Quỹ Kỹ Thương (Techcom Capital), Giám đốc dịch vụ Vốn chủ sở hữu tại Công ty CP Chứng khoán VNDirect, Giám đốc Quan hệ nhà đầu tư – Công ty CP Đầu tư Hải Phát, Trưởng phòng Kinh doanh trái phiếu, Trưởng phòng kinh doanh vốn liên ngân hàng tại PVcomBank (PVFC)... Từ tháng 08/2021, bà Hiếu gia nhập và được bổ nhiệm vị trí Chuyên gia cao cấp Ban đầu tư tại PVCB Capital.</p> <p>Bà Hiếu có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001649/QLQ do UBCKNN cấp ngày 26/01/2018.</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i></p> <p>Thạc sỹ Kinh tế Ngân hàng và Tài chính (MEBF), Trung tâm Pháp Việt (CFVG).</p>	<p>tư. Từ năm 2009, Bà Phượng gia nhập đội ngũ nhân sự của PVCB Capital với vị trí Chuyên viên Ban Phát triển Kinh doanh. Tại Ban Phát triển Kinh Doanh, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó phòng nghiên cứu phát triển tổng hợp. Từ tháng 01/2021 – 9/2021, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Ban Đầu tư. Từ tháng 9/2021 đến nay bà được bổ nhiệm giữ vị trí Trưởng Ban Đầu tư. Bà Phượng có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý quỹ với Nhà Đầu Tư nước ngoài như Quỹ Thành viên Tập trung Cổ phần hóa (VEFF); Quỹ Đầu tư Giá trị Nemo – PVcom (NPMF) và các nhà đầu tư trong nước như Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom (PVBF); Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM (PBIF); quản lý danh mục đầu tư với Nhà Đầu Tư nước ngoài như danh mục VIP LLC và với Nhà Đầu Tư trong nước, bao gồm cả tổ chức và cá nhân.</p> <p>Bà Phượng có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 00413/QLQ do UBCKNN cấp ngày 11/8/2009.</p> <p><i>Trình độ chuyên môn:</i></p> <p>Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân/Viện Nghiên cứu xã hội quốc tế ISS, Hà Nội.</p>	<p>Người điều hành Quỹ</p>												
<b>Điểm i, Khoản 3.1 Điều 3, Phần X: Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ</b>	<p><i>i. Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ PVBF</i></p> <p>Danh sách tài khoản của từng ĐLPP của Quỹ PVBF như sau:</p> <table border="1" data-bbox="439 1337 1128 1493"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>12210002051400</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	12210002051400	<p><i>i. Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ PVBF</i></p> <p>Danh sách tài khoản của từng ĐLPP của Quỹ PVBF như sau:</p> <table border="1" data-bbox="1176 1337 1843 1493"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>1222.051.400</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400	<p>Cập nhật và điều chỉnh thông tin số tài khoản ngân hàng nhận mua</p>
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản													
1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	12210002051400													
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản													
1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400													

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ			Quy định trong Bản cáo bạch mới			Diễn giải																														
các lần tiếp theo	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	12210002051419	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419	chứng chỉ quỹ																														
	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	12210002119265	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265																															
	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	12210002119256	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256																															
	5	Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	12210002119247	5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230																															
	6	Công ty Cổ phần FINCORP	12210002290230																																		
Khoản b, mục 2.2, Điều 2, Phần XI. Tình hình hoạt động của Quỹ	<p><i>b. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến vận hành hoạt động của Quỹ.</i></p> <p><b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b></p> <p>1.2 Giá dịch vụ giám sát</p> <table border="1" data-bbox="439 986 1124 1471"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Loại Giá dịch vụ</th> <th>Mức Giá</th> <th>Tối thiểu / Tối đa</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b></td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Giá dịch vụ giám sát</td> <td>0,02%/NAV/Năm</td> <td>Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng</td> <td>Thuế VAT 10%</td> </tr> </tbody> </table>			Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá		Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú	<b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b>					1.2	Giá dịch vụ giám sát	0,02%/NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10%	<p><i>b. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến vận hành hoạt động của Quỹ.</i></p> <p><b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b></p> <p>1.2 Giá dịch vụ giám sát</p> <table border="1" data-bbox="1178 986 1863 1471"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Loại Giá dịch vụ</th> <th>Mức Giá</th> <th>Tối thiểu / Tối đa</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b></td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Giá dịch vụ giám sát</td> <td>0,02%/NAV/Năm</td> <td>Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng</td> <td>Thuế VAT 10% (thay đổi theo quy định của Bộ Tài chính tùy từng thời kỳ)</td> </tr> </tbody> </table>			Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú	<b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b>					1.2	Giá dịch vụ giám sát	0,02%/NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10% (thay đổi theo quy định của Bộ Tài chính tùy từng thời kỳ)
Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú																																	
<b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b>																																					
1.2	Giá dịch vụ giám sát	0,02%/NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10%																																	
Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú																																	
<b>I. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b>																																					
1.2	Giá dịch vụ giám sát	0,02%/NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10% (thay đổi theo quy định của Bộ Tài chính tùy từng thời kỳ)																																	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải																																								
	<p><b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b></p> <p>3.2 Giá dịch vụ Lưu ký</p> <table border="1" data-bbox="439 421 1126 580"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Loại Giá dịch vụ</th> <th>Mức Giá</th> <th>Tối thiểu / Tối đa</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="439 580 1126 679"><b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="439 679 517 932">3.2</td> <td data-bbox="517 679 627 932">Giá dịch vụ lưu ký</td> <td data-bbox="627 679 795 932">0,3 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng</td> <td data-bbox="795 679 981 932">Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu</td> <td data-bbox="981 679 1126 932">Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính toán theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi mức Giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="439 932 517 1378">3.3</td> <td data-bbox="517 932 627 1378">Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch</td> <td data-bbox="627 932 795 1378">0,3 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/1 mã</td> <td data-bbox="795 932 981 1378">Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 500.000 đồng/lần/mã CK</td> <td data-bbox="981 932 1126 1378"></td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú	<b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b>					3.2	Giá dịch vụ lưu ký	0,3 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng	Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu	Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính toán theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi mức Giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng	3.3	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/1 mã	Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 500.000 đồng/lần/mã CK		<p><b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b></p> <p>3.2 Giá dịch vụ Lưu ký</p> <table border="1" data-bbox="1173 421 1877 580"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Loại Giá dịch vụ</th> <th>Mức Giá</th> <th>Tối thiểu / Tối đa</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="1173 580 1877 679"><b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="1173 679 1252 1059">3.2</td> <td data-bbox="1252 679 1361 1059">Giá dịch vụ lưu ký</td> <td data-bbox="1361 679 1543 1059">0,27 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,18 đồng/trái phiếu/tháng 0,14 đồng/công cụ nợ/tháng</td> <td data-bbox="1543 679 1711 1059">Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu</td> <td data-bbox="1711 679 1877 1059">Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính toán theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi mức Giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1173 1059 1252 1347">3.3</td> <td data-bbox="1252 1059 1361 1347">Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch</td> <td data-bbox="1361 1059 1543 1347">0,5 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/1 mã</td> <td data-bbox="1543 1059 1711 1347">Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 300.000 đồng/lần/mã CK</td> <td data-bbox="1711 1059 1877 1347"></td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú	<b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b>					3.2	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,18 đồng/trái phiếu/tháng 0,14 đồng/công cụ nợ/tháng	Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu	Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính toán theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi mức Giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng	3.3	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/1 mã	Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 300.000 đồng/lần/mã CK		<p>Cập nhật các mức giá Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ chuyển khoản của VSD (bên cung cấp dịch vụ thứ 3)</p>
Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú																																							
<b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b>																																											
3.2	Giá dịch vụ lưu ký	0,3 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng	Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu	Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính toán theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi mức Giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng																																							
3.3	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/1 mã	Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 500.000 đồng/lần/mã CK																																								
Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú																																							
<b>III. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b>																																											
3.2	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,18 đồng/trái phiếu/tháng 0,14 đồng/công cụ nợ/tháng	Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu	Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính toán theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi mức Giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng																																							
3.3	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/1 mã	Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 300.000 đồng/lần/mã CK																																								

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải																																							
<p><b>Mục 2.1 Phụ lục 2. Quy trình và Hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ</b></p>	<p><b>Bước 3:</b> Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ</p> <p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng ĐLPP của Quỹ PVBF như sau:</p> <table border="1" data-bbox="432 512 1122 1204"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>12210002051400</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí</td> <td>12210002051419</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>12210002119265</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</td> <td>12210002119256</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)</td> <td>12210002119247</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>12210002290230</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	12210002051400	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	12210002051419	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	12210002119265	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	12210002119256	5	Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	12210002119247	6	Công ty Cổ phần FINCORP	12210002290230	<p><b>Bước 3:</b> Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ</p> <p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng ĐLPP của Quỹ PVBF như sau:</p> <table border="1" data-bbox="1171 512 1872 1086"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>1222.051.400</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí</td> <td>1222.051.419</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222.119.265</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</td> <td>1222.119.256</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>1222.290.230</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256	5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230	<p>Cập nhật và điều chỉnh thông tin số tài khoản ngân hàng nhận tiền mua Chứng chỉ quỹ</p>
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																																								
1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	12210002051400																																								
2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	12210002051419																																								
3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	12210002119265																																								
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	12210002119256																																								
5	Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	12210002119247																																								
6	Công ty Cổ phần FINCORP	12210002290230																																								
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																																								
1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400																																								
2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419																																								
3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265																																								
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256																																								
5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230																																								
<p><b>Phần XIV. Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc</b></p>	<p>...</p> <p><b>Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép hoạt động: 121/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/01/2016</li> <li>- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:</li> </ul>	<p><b>Hủy</b></p>	<p>Hủy thông tin đăng ký Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ của</p>																																							



Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
cho các Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chi nhánh Sài Gòn _ Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam). Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.</li> <li>- Điện thoại: (84-28) 39102222</li> <li>- Website: <a href="https://www.masvn.com">https://www.masvn.com</a></li> </ul>		<p>Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)</p>
<p><b>Phụ lục 1, Phần XVI. Phụ lục đính kèm</b></p> <p><b>Danh sách các Đại lý phân phối và các điểm nhận lệnh</b></p>	<p><b>Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép hoạt động: 121/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/01/2016</li> <li>- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chi nhánh Sài Gòn _ Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam). Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.</li> </ul> </li> <li>- Điện thoại: (84-28) 39102222</li> <li>- Website: <a href="https://www.masvn.com">https://www.masvn.com</a></li> </ul>	<b>Hủy</b>	<p>Hủy thông tin đăng ký Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)</p>
<p><b>Mục 2.1, Phần XVI, Phụ lục 2: Quy trình và hướng dẫn</b></p>	<p><b>2. QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH</b></p> <p><b>2.1. LỆNH MUA CHỨNG CHỈ QUỸ</b></p> <p><b>Bước 3:</b> Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ</p>	<p><b>2. QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH</b></p> <p><b>2.1. LỆNH MUA CHỨNG CHỈ QUỸ</b></p> <p><b>Bước 3:</b> Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh thông tin số tài khoản</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ			Quy định trong Bản cáo bạch mới			Diễn giải
	T T	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	
đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoản Bảo Việt	12210002051400	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoản Bảo Việt	1222.051.400	ngân hàng nhận tiền mua Chứng chỉ quỹ
	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoản Dầu khí	12210002051419	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoản Dầu khí	1222.051.419	
	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	12210002119265	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265	
	4	Công ty Cổ phần Chứng khoản Sài Gòn – Hà Nội	12210002119256	4	Công ty Cổ phần Chứng khoản Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256	
	5	Công ty TNHH Chứng khoản Mirae Asset (Việt Nam)	12210002119247	5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230	
	6	Công ty Cổ phần FINCORP	12210002290230				

Ngày bắt đầu có hiệu lực: ...../...../2023.

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản cáo bạch sửa đổi;
- Hồ sơ thay đổi Người điều hành Quỹ PVBF.

**Công ty Cổ phần Quản lý quỹ  
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam**

